

Số: /TTYT

Sơn Hòa, ngày tháng 9 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Thông báo kết luận của Ban Giám đốc, Hội đồng Khoa học – Công nghệ, Hội đồng thuốc và điều trị tại cuộc họp ngày 29/9/2025.

Căn cứ Dự trù các khoa về nhu cầu mua sắm vật tư y tế, hoá chất, sinh phẩm, khí oxy y tế phục vụ khám chữa bệnh của Trung tâm Y tế Sơn Hoà từ Quý IV/2025 đến Quý III/2026.

Trung tâm Y tế Sơn Hoà có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo giá một số vật tư y tế, hoá chất, sinh phẩm, khí oxy y tế với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế Sơn Hoà

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Thông tin nhận báo giá: Khoa Dược TTB-TTYT, Trung tâm Y tế Sơn Hoà.

Địa chỉ: 67 Nguyễn Chí Thanh, xã Sơn Hoà, tỉnh Đắk Lắk.

SĐT: 02573.681.893/ 0906464534 (Ds. Huyền)

Email: ttytdpsonhoa@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: 67 Nguyễn Chí Thanh, xã Sơn Hoà, tỉnh Đắk Lắk. (bản gốc đóng mộc)
- Nhận qua email: ttytdpsonhoa@gmail.com (File mềm + bản scan)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00' ngày 30 tháng 9 năm 2025 đến trước 17h00' ngày 09 tháng 10 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày nhà cung cấp ký báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục báo giá

(Chi tiết theo danh mục đính kèm)

2. Địa điểm cung cấp các mặt hàng tại địa chỉ: Khoa Dược TTB-TTYT, Trung tâm Y tế Sơn Hoà, 67 Nguyễn Chí Thanh, xã Sơn Hoà, tỉnh Đắk Lắk.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Năm 2025

4. Các thông tin khác: Tất cả các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan vật tư y tế, hoá chất, sinh phẩm, khí oxy y tế.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ;
- Lưu VT.

PHÓ GIÁM ĐỐC

BSCKI. Nguyễn Văn Khanh

PHỤ LỤC

STT	Tên danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I. VẬT TƯ TIÊU HAO					
1	Phim X-quang	Kích thước (8 x 10) inch tương đương (20x25)cm. * Thành phần chính : Polyethylene terephthalate 90%-99%, additives <1%, binding agents <1%. * Phù hợp với máy in phim X quang kỹ thuật số. Đạt tiêu chuẩn ISO, FDA, CE	Tấm	16.000	
2	Băng bột bó 15cm x 2.7m	Kích thước 15cm x 270cm ± 10%, bột liền gạc. Đạt tiêu chuẩn ISO	Cuộn	200	
3	Băng cá nhân	Kích thước 20mm x 60mm ± 10%. Đạt tiêu chuẩn ISO.	Miếng	3.000	
4	Băng chỉ thị tiếp xúc cho gói dụng cụ tiệt khuẩn bằng hơi nước	Kích thước: 12mm x 55m, lớp keo không dính cao su, dính chắc phù hợp với nhiều loại vải bọc, giấy gói, plastic. Lớp nền có thể co giãn, có thể viết được lên trên hoặc dán nhãn bằng nhãn in sẵn.	Cuộn	10	
5	Băng keo lụa	Kích thước :2,5cm*5m	Cuộn	1.100	
6	Băng thun gói A6	chất liệu neoprene, khóa Velcro. Các size S, M, L, XL	Cái	10	
7	Bơm tiêm 20ml	xy lanh dung tích 20ml, kim các cỡ	Cái	4.000	
8	Bơm tiêm 10ml	xy lanh dung tích 10ml, kim các cỡ	Cái	20.000	
9	Bơm tiêm 5ml	xy lanh dung tích 5ml, kim các cỡ	Cái	50.000	
10	Bông y tế thấm nước	Thành phần: 100% bông xơ thiên nhiên, thành phần chính là Cellulose, Yêu cầu: pH: 5,0 ÷ 8,0, độ ẩm ≤ 8,0, tốc độ hút nước ≤ 10 giây. Đạt tiêu chuẩn ISO.	Kg	36	
11	Chỉ tan chậm tự nhiên số 2/0	Chỉ tiêu thiên nhiên tan chậm 2/0 kim tròn 1/2 chiều dài chỉ ≥75cm ± 10% , chiều dài kim 26 ± 10%, kim phủ silicon. Đạt tiêu chuẩn ISO.	Tép	144	
12	Chỉ Polyglactin 910 số 2/0, có chất kháng khuẩn	Chỉ tan tổng hợp đa sợi vô trùng. 90% glycolide và ≥ 10% L-lactide. Được phủ bởi polyglactin 370 và kim có chất kháng khuẩn. Sợi chỉ dài 1m, kim tròn, đầu nhọn ≥ 1,2C, dài ≥ 26cm, Thời gian giữ vết khâu ≥ 21 ngày, an toàn tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày.	Tép	504	

STT	Tên danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
13	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 2/0 kim tam giác	Chỉ không tan tự nhiên Silk số 2/0, sợi chỉ dài ≥ 75 cm, kim tam giác, dài ≥ 26 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO	Tép	204	
14	Chỉ Polyglactin 910 số 1	Dài khoảng 90cm, kim tròn 1/2 dài khoảng 40mm. Kim thép không gỉ, phủ silicon	Tép	60	
15	Đai cố định khớp vai (Đai desault)	Vải cotton, vải không dệt, có lỗ thoáng khí, có khóa Velcro. Có các cỡ, trái-phải.	Cái	20	
16	Đai xương đòn	Chất liệu vải cotton, nút xóp, khóa Velcro, các số.	Cái	50	
17	Đai xương sườn H1	Các cỡ: S; L; XL	Cái	20	
18	Đè lưới gỗ	Kích thước 150mm x 20mm x 2 mm. Đã tiệt trùng.	Que	10.000	
19	Gạc y tế	Nguyên liệu sợi cotton 100%, hút nước. Khổ 0,8m.	Mét	3.000	
20	Găng tay phẫu thuật có bột tiệt trùng	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, tiệt trùng. Các số (6,5; 7; 7,5; 8)	Đôi	700	
21	Giấy in siêu âm	Kích cỡ: 110mm x 20m	Cuộn	200	
22	Kẹp rốn	Các khớp răng đều, thẳng hàng, gờ không sắc. Tiệt trùng.	Cái	200	
23	Kim đẩy chỉ (Kim đẩy chỉ đầu bằng)	Kim đẩy chỉ vô trùng loại dùng 01 lần gồm phần đẩy chỉ đầu bằng và phần cán. Kích thước: 0.35 x 45mm	Cây	40.000	
24	Kim khâu cứu vô trùng dùng một lần (số 3-7)	Các số: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7	Cái	100.000	
25	Lamen	Kích thước: 22 x 22mm.	Hộp	10	
26	Lọ nhựa có nắp đựng mẫu nước tiểu	Lọ nhựa đựng nước tiểu có nhãn, 55ml	Lọ	6.500	
27	Dao mổ các số	Chất liệu được làm từ thép carbon Lưỡi dao sắc bén với nhiều đầu mũi khác nhau. Lưỡi dao đã được tiệt trùng. Gồm các size: 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22, 23. Đạt tiêu chuẩn ISO.	Cái	300	
28	Mặt nạ xông khí dung	Có bộ khí dung. Dây dẫn có chiều dài ≥ 2 m, có khóa đảm bảo khí oxy được tuần hoàn. Size S, M, L, XL	Cái	50	
29	Miếng dán điện cực	Chất liệu PE-foam, độ bám dính cao, không để lại chất kết dính. Tương thích hầu hết với các loại cáp kết nối.	Cái	300	
30	Nẹp iselin	Thanh nẹp được làm bằng hợp kim nhôm, lót bên trong một lớp xốp mềm. Dùng cố định khớp ngón tay ở vị trí chức năng.	Cái	10	

STT	Tên danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
31	Nẹp căng chân	Thành phần: Vải dệt kim, dây đai. Khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm. Các cỡ	Cái	30	
32	Nẹp căng tay dài	Chất liệu vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm. Các cỡ	Cái	30	
33	Nẹp cánh tay	Vải thoáng khí -Nẹp hợp kim nhôm -Khóa Velcro có độ bám chặt tốt. Các cỡ	Cái	100	
34	Nẹp cổ cứng	Chất liệu mút, có khóa, thiết kế gồm 2 mảnh riêng biệt.	Cái	100	
35	Nẹp cổ mềm	Chất liệu mút xốp mềm, nhẹ và thoáng khí, vải, khóa Velcro. Các cỡ	Cái	30	
36	Nẹp xương đùi dài	Chất liệu vải mút dệt kim, vải lưới, thanh định vị bằng nhôm lớn, có thể uốn cong theo chiều cong sinh lý của chân. Các cỡ	Cái	50	
37	Nẹp xương đùi ngắn	Vải cotton, vải có lỗ thoáng khí. Khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm. Các số	Cái	40	
38	Ống nghiệm lấy máu Heparin nắp nhựa	Ống nghiệm nhựa, kích thước 12mm x 80mm $\pm$ 10% chứa chất kháng đông heparin. Đạt tiêu chuẩn ISO.	Ống	10.000	
39	Ống nghiệm lấy máu K2 EDTA MPV nắp nhựa	Ống nghiệm nhựa PP, kích thước 12mm x 80mm $\pm$ 10%. Nắp nhựa, chứa chất chống đông K2 EDTA dưới dạng sương. Đạt tiêu chuẩn ISO.	Cái	24.000	
40	Sample cup	Quy cách: Gói/500 cái	Cái	1.000	
41	Que gòn xét nghiệm tiết trùng từng ống	Ống nhựa PP, nắp nhựa, que gỗ cứng, đầu bông nhỏ phù hợp lấy mẫu.	Que	300	
42	Ống thông tiêu 1 nhánh các số	các số 8, 10, 12, 14, 16, 18	Sợi	300	
43	Ống thông tiêu 2 nhánh các số	Số 16,18,20, 30	Cái	150	
44	Bóng đèn hệ thống soi chẩn đoán tai mũi họng	Bóng đèn 24v, 300w. Sử dụng cho hệ thống soi chẩn đoán tai-mũi-họng DEC- 1211	Cái	02	
45	Bóng đèn máy soi cổ tử cung	Bóng đèn 120v, 250w. Sử dụng cho máy soi cổ tử cung	Cái	02	
46	Bóng đèn máy sinh hoá tự động	Bóng Halogen 12v20w. Sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động CA- 270	Cái	03	
47	Cuvette	Cuvette sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động CA- 270	Bộ	01	

II. HOÁ CHẤT- SINH PHẨM

STT	Tên danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
48	Dung dịch ly giải hồng cầu Hemolynac 3 hoặc tương đương	Thành phần: Quaternary Ammonium Salts $\leq 5.0\%$ Tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	ml	5.000	
49	Dung dịch pha loãng Isotonac 3 hoặc tương đương	hành phần: Sodium sulphate anhydrous $\leq 1.1\%$ Sodium chlorid $\leq 0.5\%$ Buffering agents $\leq 0.5\%$ Anti-Microbial agents $\leq 0.3\%$. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	Lít	400	
50	Dung dịch rửa Cleanac (màu xanh) hoặc tương đương	Thành phần: Protealztic enzyme $\leq 0.5\%$ Buffer $\leq 0.1\%$ Detergents $\leq 1.0\%$ Tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	Lít	20	
51	Dung dịch rửa định kỳ Cleanac-3 (màu tím) hoặc tương đương	Thành phần: Sodium hypochlorite $\leq 1.0\%$ Sodium hydroxide $\leq 1.0\%$ Tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	Lít	05	
52	Hóa chất khử khuẩn bề mặt	Hóa chất khử khuẩn bề mặt. Đạt tiêu chuẩn ISO	Can	02	
53	Hóa chất khử khuẩn dụng cụ	Hóa chất khử khuẩn dụng cụ y tế. Đạt tiêu chuẩn ISO	Chai	04	
54	Potassium hydroxide KOH	Dạng hạt tinh khiết, hàm lượng $\geq 85\%$, Quy cách: chai 1kg	Gam	500	
55	Môi trường Blood Agar	Dạng pha sẵn: đĩa hoặc khay. Đạt tiêu chuẩn ISO.	Đĩa	20	
56	Môi trường BHI broth	Quy cách đóng gói: lọ	Lọ	20	
57	Môi trường thạch MacConkey	Dạng pha sẵn: đĩa hoặc khay. Đạt tiêu chuẩn ISO.	Đĩa	20	
58	Tinh dầu sả	Can. Đạt tiêu chuẩn ISO.	Lít	90	
59	Nước Javel	Can 20 Lít	Lít	130	
60	Gel Siêu âm	Can 5 lít.	Lít	07	
61	Nước rửa máy sinh hóa	Bộ nước rửa máy. Tương thích với máy sinh hoá tự động CA-270	Hộp	06	
62	Hóa chất kiểm chuẩn mức trung bình	Hóa chất kiểm chuẩn mức trung bình tương thích với máy huyết học Nihonkoden Model: MEK 6510 và máy huyết học Nihonkoden Model: MEK 1301	Lọ	18	
63	Hóa chất kiểm chuẩn mức cao	Hóa chất kiểm chuẩn mức cao tương thích với máy huyết học Nihonkoden Model: MEK 6510 và máy huyết học Nihonkoden Model: MEK 1301	Lọ	18	
64	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin toàn phần	Thuốc thử này được dùng để xác định định lượng của Bilirubin trong huyết thanh hoặc huyết tương. Tương thích với máy sinh hoá tự động CA-270	Hộp	2	

STT	Tên danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
65	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	Thuốc thử này được dùng để xác định định lượng của Bilirubin trong huyết thanh hoặc huyết tương. Tương thích với máy sinh hoá tự động CA-270	Hộp	2	
66	Nội kiểm Ethanol/Ammonia mức 2	Hóa chất nội kiểm, đáp ứng nội kiểm tra xét nghiệm Ammonia và Ethanol ở ngưỡng bình thường, dạng lỏng. Tương thích với máy sinh hoá tự động CA-270	Lọ	6	
67	Chương trình ngoại kiểm Huyết học	RIQAS Monthly Haematology (Haematology Programme)	Lọ	12	
68	Chương trình ngoại kiểm Sinh hóa	Chương trình ngoại kiểm Sinh hóa (RIQAS Monthly General Clinnical Chemistry)	Lọ	12	
69	Hoá chất nội kiểm sinh hoá mức 2	Nội kiểm cho máy sinh hoá mức 2	Lọ	18	
70	Hoá chất nội kiểm sinh hoá mức 3	Nội kiểm cho máy sinh hoá mức 3	Lọ	18	
71	Nội kiểm tổng phân tích nước tiểu mức 1	Chất chuẩn để kiểm tra chất lượng của xét nghiệm nước tiểu bằng que thử mức 1 Tương thích với máy xét nghiệm nước tiểu Combilyzer 13	Lọ	12	
72	Nội kiểm tổng phân tích nước tiểu mức 2	Chất chuẩn để kiểm tra chất lượng của xét nghiệm nước tiểu bằng que thử mức 2. Tương thích với máy xét nghiệm nước tiểu Combilyzer 13	Lọ	12	
73	Thuốc thử xét nghiệm Ethanol	Gồm thuốc thử và chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng Alcohol trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần hoặc nước tiểu người; Thành phần: R1- Enzyme coenzyme (NAD ⁺ , ADH, TRIS Buffer, Stabiliser, Preservatives); R2 - Standard. Tương thích với máy xét nghiệm sinh hoá tự động CA- 270	Hộp	5	
74	Hóa chất kiểm chuẩn đo nồng độ cồn trong máu	Dùng để kiểm soát chất lượng bằng cách theo dõi độ chính xác và độ tin cậy để xác định định lượng các chất đang được phân tích như quy định trong bảng giá trị. Tương thích với máy sinh hoá tự động CA-270	Hộp	2	
75	Nội kiểm Ethanol mức trung bình	Thành phần: R1 - Normal control "Ammonia, ethanol, CO2". Tương thích với máy Máy xét nghiệm sinh hoá tự động CA- 270	Hộp	2	

STT	Tên danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
76	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HbA1c	Xét nghiệm dùng để đo định lượng Hemoglobin A1C trong mẫu máu toàn phần của người. Tương thích với máy sinh hoá tự động CA-270	Hộp	3	
77	Hoá chất dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm HbA1c trên máy sinh hóa	Được sử dụng để hiệu chuẩn xét nghiệm HbA1c. Thành phần: dạng đông khô, nguồn gốc từ hồng cầu (máu người). Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE. Tương thích với máy sinh hoá tự động CA-270	Hộp	2	
78	Hóa chất nội kiểm HBA1C mức trung bình	Hóa chất kiểm chứng mức trung bình cho xét nghiệm HbA1c. Tương thích với máy sinh hoá tự động CA-270	Hộp	2	
79	Chương trình ngoại kiểm nước tiểu	Chương trình ngoại kiểm Niệu đáp ứng 14 thông số tổng phân tích nước tiểu hoặc tương đương.	Lọ	12	
80	Chương trình ngoại kiểm Ethanol	Chương trình ngoại kiểm Ammonia/Ethanol đáp ứng 2 thông số Ammonia và Ethanol.	Lọ	12	
81	Test chẩn đoán nhanh HCV	Phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh	Test	400	
82	Test chẩn đoán nhanh viêm gan E	Test nhanh chuẩn đoán kháng thể IgG/IgM kháng virus viêm gan E.	Test	180	
83	Test chẩn đoán nhanh viêm gan A	Định tính phát hiện kháng thể IgM kháng HAV	Test	180	
84	Test chẩn đoán nhanh HBsAg	Định tính phát hiện kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh hoặc huyết tương của người.	Test	400	
85	Test xét nghiệm nhanh HIV	Phát hiện định tính kháng thể kháng virus HIV type 1 và type 2. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh	Test	250	
86	Test nước tiểu 13 thông số	Que thử sinh hóa nước tiểu tương thích với máy xét nghiệm nước tiểu Combilyzer 13	Test	1.500	
87	Test thử chất gây nghiện 5 thông số (AMP/THC/MOP/COD/HEROIN)	Test nhanh xét nghiệm định tính, đồng thời AMP/THC/MOP/COD/HEROIN) trong nước tiểu.	Test	1.000	
88	Test xét nghiệm định tính Morphin	Định tính Morphin	Test	300	
89	Test nước tiểu 03 thông số	Glucose (đường), Protein (đạm) và pH (độ axit trong nước tiểu)	Test	1.500	

STT	Tên danh mục	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
III.KHÍ OXY Y TẾ					
90	Khí Oxy y tế	Hàm lượng $\geq 99,6\%V$ Chứa trong chai áp lực V=40 lít, 6,0m3 khí/chai	Chai	600	
Tổng cộng: 90 mặt hàng					

Công ty:
Địa chỉ:
Số ĐT:

BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Y tế Sơn Hòa

Trên cơ sở yêu cầu báo giá số /TTYT, ngày tháng năm 2025 của Trung tâm Y tế Sơn Hoà, chúng tôi đại diện nhà cung cấp báo giá mặt hàng như sau:

1. Báo giá các mặt hàng như sau:

STT	Tên Danh mục	Tên thương mại	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản Thành phần/ hoạt chất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã có VAT) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1							
2							
		Tổng cộng: ... mặt hàng					

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng ngày, kể từ ngày tháng ... năm 2025 (Ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày)

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác, không thuộc các trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thuốc nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là cần thiết.

....., ngày ... tháng ... năm 2025

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)